

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỔ XÂY DỰNG

Số: **19699** /SXD-PTĐT

V/v thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán đối với 856 căn nhà ở thấp tầng thuộc Khu nhà ở liên kế vườn LV1, LV2 trong dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường Bình Trung (trước đây là phường An Phú, Thành phố Thủ Đức) do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn làm chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn
(địa chỉ: số nhà A3, đường số 5, Khu dân cư 10ha, phường Bình Trung)

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025 (đính kèm hồ sơ) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn đề nghị thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán đối với 856 căn nhà ở thấp tầng thuộc Khu nhà ở liên kế vườn LV1, LV2 trong dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường Bình Trung (trước đây là phường An Phú, Thành phố Thủ Đức) (theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả với mã hồ sơ: H29.18-251127-0028 ngày 27/11/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Sở Xây dựng). Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. Thông tin về dự án (theo Công văn số 2155/UBND-DA ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố; Công văn số 949/HĐXD-QLDA ngày 16/10/2017 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng; Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trung và Công văn số 17527/SXD-QLXDCT ngày 26/11/2025 của Sở Xây dựng)

- Tên dự án : Khu đô thị Sài Gòn Bình An.
- Địa chỉ : phường Bình Trung (trước đây là phường An Phú, Thành phố Thủ Đức).
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn.
- Địa chỉ trụ sở của chủ đầu tư: số nhà A3, đường số 5, Khu dân cư 10ha, phường Bình Trung (trước đây là phường An Phú, Thành phố Thủ Đức).
- Tổng diện tích đất : 1.174.221,9 m².
- Quy mô nhà ở : 1.792 căn nhà ở thấp tầng và 8.530 căn hộ chung cư, trong đó:

+ Khu nhà ở thấp tầng: gồm Khu nhà liên kế sân vườn (15 cụm nhà có ký hiệu từ LK1 đến LK15 với tổng số 915 căn ¹) và Khu nhà liên kế vườn (22 cụm nhà có ký hiệu từ LV1-1 đến LV1-8 và từ LV2-1 đến LV2-14 với tổng số 856 căn) và 21 căn nhà biệt thự tại lô đất ký hiệu BT.

+ Khu nhà ở cao tầng: gồm 09 cụm nhà chung cư cao tầng có ký hiệu từ CT1 đến CT9 với tổng số 8.530 căn, gồm: CT1 (576 căn); CT2 (592 căn); CT3 (965 căn); CT4 (965 căn); CT5 (1.816 căn); CT6 (2.192 căn); CT7 (808 căn); CT8 (308 căn) và CT9 (308 căn).

- Thời gian thực hiện dự án: gồm 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: kể từ ngày được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đến hết năm 2029 (Nhà ở thấp tầng là nhà liên kế có sân vườn gồm 15 cụm nhà có ký hiệu từ LK1 đến LK15 và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh các lô đất: đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; Nhà ở thấp tầng là nhà liên kế vườn gồm các cụm nhà có ký hiệu từ LV1-1 đến LV1-8, và LV2-1 đến LV2-14 và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh các lô đất; Nhà ở chung cư - kết hợp thương mại dịch vụ CT3, CT4, CT5, CT6, CT7, CT8, CT9 các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh các lô đất; Trường mầm non MG1, Trường mầm non MG2, Trường Tiểu học TH1A, Trường Tiểu học TH1B và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh các lô đất và Nhà ở xã hội (chung cư cao tầng) và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh lô đất).

+ Giai đoạn 2: kể từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 12 năm 2030 (Nhà ở thấp tầng là nhà biệt thự gồm 01 cụm nhà có ký hiệu BT và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh các lô đất; Nhà ở chung cư - kết hợp thương mại dịch vụ CT1, CT2 các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh các lô đất; Trung tâm thương mại (TTTM) và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh lô đất và Trường trung học cơ sở TH2, các công trình còn lại và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh các lô đất).

- Nội dung đề nghị của chủ đầu tư (theo Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025): đề nghị Sở Xây dựng thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện bán đối với 856 căn nhà ở thấp tầng thuộc Khu nhà ở liên kế vườn LV1, LV2 trong dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường Bình Trưng, với thông tin:

+ Hạng mục công trình: Khu nhà ở liên kế vườn ký hiệu LV1 và Khu nhà ở liên kế vườn ký hiệu LV2;

+ Quy mô nhà ở: Khu nhà ở liên kế vườn ký hiệu LV1 (gồm 08 cụm nhà, ký hiệu từ LV1-1 đến LV1-8 với tổng cộng 369 căn) và Khu nhà ở liên kế vườn ký hiệu LV2 (gồm 14 cụm nhà, ký hiệu từ LV2-1 đến LV2-14 với tổng cộng 487 căn).

¹ Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) có Thông báo số 14/GĐ-ATXD/HT ngày 22/01/2024 về chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn đối với công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Sài Gòn Bình An-giai đoạn 1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn cùng với các đơn vị liên quan đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng đối với hạng mục: Khu nhà ở thấp tầng, Nhà liên kế sân vườn (Lô LK1 đến LK15) vào ngày 22/01/2024.

II. Pháp lý của dự án

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn cung cấp hồ sơ đính kèm theo Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025 gồm các văn bản (bản chính hoặc bản sao được chứng thực đúng với bản chính hoặc bản sao có đối chiếu với bản chính) như sau:

1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của dự án

- Công văn số 5587/UBND-ĐT ngày 08/10/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố về liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn đề nghị chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường An Phú, Quận 2.

- Tờ trình số 93/TTr-BXD ngày 19/12/2016 của Bộ Xây Dựng về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 224/TTg-CN ngày 15/02/2017 của Thủ Tướng Chính phủ về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 2155/UBND-DA ngày 24/09/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An tại phường An Phú, Quận 2 (nay là phường Bình Trưng), Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn.

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của dự án

- Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Sài Gòn Bình An, diện tích 1.174.221,9 m², phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 114/HĐXD-QLDA ngày 23/02/2016 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Sài Gòn Bình An.

- Công văn số 4935/SGTVT-KT ngày 28/4/2016 của Sở Giao thông vận tải về thỏa thuận đấu nối giao thông dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 305/TC-QC ngày 01/09/2016 của Cục Tác chiến (thuộc Bộ Tổng tham mưu-Bộ Quốc phòng) về chấp chuẩn độ cao tĩnh không của Dự án.

- Công văn số 949/HĐXD-QLDA ngày 16/10/2017 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 366/HĐXD-QLDA ngày 29/06/2018 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) về thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh các công trình thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn 3803/SXD-HTKT ngày 14/4/2020 của Sở Xây dựng về đầu nối hệ thống thoát nước dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An.

- Công văn số 471/HĐXD-QLTK ngày 26/8/2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (điều chỉnh) hạng mục trạm xử lý nước thải và thoát nước thải công trình Khu đô thị Sài Gòn Bình An.

- Giấy phép xây dựng số 155/GPXD ngày 18/12/2020 của Sở Xây dựng về xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Sài Gòn Bình An.

- Biên bản số 2502 ngày 15/02/2023 về nghiệm thu hoàn thành công trình đối với hạng mục Hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2, Khu nhà ở thấp tầng LV bao gồm: đường vỉa hè, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước.

- Giấy chứng nhận số 3553/TD-PCCC ngày 08/12/2023 của Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (thuộc Bộ Công an) chứng nhận công trình hạ tầng kỹ thuật dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (đối với các nội dung: đường giao thông cho xe chữa cháy; hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà).

- Thỏa thuận phương án cung cấp điện số 5993/2023/TTCD-PCTĐ-SDI ngày 26/12/2023 của Công ty Điện lực Thủ Đức đối với dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức.

- Công văn số 6026/PCTĐ-KTAT ngày 27/12/2023 của Công ty Điện lực Thủ Đức về thỏa thuận cấp điện công trình “Xây dựng mới dây cáp ngầm trung hạ thế và các trạm biến áp cấp điện phase 1-khu nhà ở liền kề” thuộc phường An Phú, Thành phố Thủ Đức (giai đoạn 1).

- Công văn số 61/NT-PCCC&CHCN-P4 ngày 05/01/2024 của Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (thuộc Bộ Công an) chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của công trình hạ tầng kỹ thuật dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An-giai đoạn 1.

- Thông báo số 14/GĐ-ATXD/HT ngày 27/01/2024 của Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn đối với công trình hạ tầng kỹ thuật dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An-giai đoạn 1.

- Giấy phép môi trường số 41/GPMT-BTNMT ngày 06/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn, địa chỉ số nhà A3, đường số 5, khu dân cư 10ha, khu phố 3, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động môi trường của dự án “Khu đô thị Sài Gòn Bình An, diện tích 117,422 ha” phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 6507/SGTVT-KT ngày 24/5/2024 của Sở Giao thông vận tải về bổ sung vị trí kết nối giao thông công trình Khu đô thị Sài Gòn Bình An và dự án Khu tái định cư và dân cư 10ha tại phường An Phú, Thành phố Thủ Đức.

- Giấy phép thi công số 3601/GP-SGTVT ngày 30/7/2024 của Sở Giao thông vận tải đối với công trình kết nối giao thông Khu đô thị Sài Gòn Bình An và dự án Khu tái định cư và dân cư 10ha tại phường An Phú, Thành phố Thủ Đức (vị trí đường Đỗ Xuân Hợp, Thành phố Thủ Đức).

- Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Sài Gòn Bình An diện tích 117,42 ha, phường Bình Trưng.

- Công văn số 222/KTHTĐT ngày 20/11/2025 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị (thuộc Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng) về xác nhận hồ sơ, bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Sài Gòn Bình An diện tích 117,42 ha, phường Bình Trưng.

- Công văn số 17527/SXD-QLXDCT ngày 26/11/2025 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh công trình Nhà ở liên kế vườn tại các lô đất LV1, LV2 thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An tại phường An Phú, Thành phố Thủ Đức (nay là phường Bình Trưng).

- Quyết định số 261/2025/QĐ-SDI ngày 26/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn phê duyệt dự án điều chỉnh công trình Nhà ở liên kế vườn tại các lô đất LV1, LV2 thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An tại phường An Phú, Thành phố Thủ Đức (nay là phường Bình Trưng), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 271/2025/QĐ-SDI ngày 27/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công) công trình Nhà ở vườn tại các lô đất LV1, LV2 thuộc dự án dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An tại phường An Phú, Thành phố Thủ Đức (nay là phường Bình Trưng), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông báo số 124/2025/TB-SDI ngày 27/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn về khởi công xây dựng công trình Nhà ở liên kế vườn tại các lô đất LV1, LV2 thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường Bình Trưng.

- Công văn số 3179/KTCN-CĐ2 ngày 09/12/2025 của Phòng Kiểm tra chuyên ngành (thuộc Sở Xây dựng) có ý kiến như sau: “Ngày 22/01/2024, Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng-Bộ Xây dựng có Thông báo số 14/GĐ-ATXD/HT về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Sài Gòn Bình An giai đoạn 1. Hiện trạng công trình xây dựng đúng giấy phép xây dựng được cấp. Các công trình nhà ở thấp tầng thuộc Khu LV1, LV2 trong Khu đô thị Sài Gòn Bình An hiện đã thi công một số móng tại Khu LV2”.

3. Thông tin về đất đai của dự án

- Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 12/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn sử dụng đất để đầu tư xây

dựng Khu liên hợp sân Golf-thể dục thể thao và nhà ở tại phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 2674/QĐ-UB ngày 31/5/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân Golf-thể dục thể thao và nhà ở tại phường An Phú, Quận 2 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn.

- Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 27/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 12/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2674/QĐ-UB ngày 31/5/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn tại phường An Phú, Quận 2.

- Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 12/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ về cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn sử dụng đất để đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân Golf-thể dục thể thao và nhà ở tại phường An Phú, Quận 2.

- Quyết định số 6553/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 12/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ, quyết định số 2674/QĐ-UB ngày 31/5/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 27/07/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 02/04/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn sử dụng đất để thực hiện dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An tại phường An Phú, Quận 2.

- Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh Quyết định số 6553/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn sử dụng đất để thực hiện dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An tại phường An Phú, thành phố Thủ Đức.

- Quyết định số 3826/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án giá đất đối với khu đất thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, tại phường An Phú, Quận 2 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức) để Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn thực hiện nghĩa vụ tài chính khi sử dụng đất theo Quyết định số 6553/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 và Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Thông báo số 28/TB-CCTPTĐ ngày 07/01/2022 của Chi Cục thuế Thành phố Thủ Đức về việc xác nhận số tiền thuế, tiền phạt đã nộp ngân sách nhà nước cho người nộp thuế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn tại dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An

- 856 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của 856 lô đất xây dựng nhà ở thấp tầng thuộc Khu nhà ở liên kế vườn LV1, LV2 trong dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường Bình Trưng (thông

tin chi tiết tại danh mục 856 căn nhà thuộc Phần IV văn bản này) được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn (856 Giấy chứng nhận này được Văn phòng công chứng Trung tâm Thủ Đức chứng thực bản sao đúng với bản chính cùng ngày 19/11/2025).

4. Thông tin về tình trạng thế chấp và bảo lãnh của Ngân hàng thương mại

- Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn cam kết nội dung:

“- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của 369 lô đất tại Khu nhà liên kế vườn LV1 và của 487 lô đất tại Khu nhà liên kế vườn LV2 thuộc Dự Án không thuộc trường hợp đang có tranh chấp; không thuộc trường hợp bị cấm hoặc đình chỉ giao dịch và cũng không thuộc trường hợp bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

- Công ty chưa thế chấp tài sản đảm bảo (quyền tài sản phát sinh hoặc các hình thức đăng ký biện pháp bảo đảm khác) và cũng không thực hiện nội dung nào liên quan đến việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu liên quan đến tài sản của 369 lô đất tại Khu nhà liên kế vườn LV1 và của 487 lô đất tại Khu nhà liên kế vườn LV2 thuộc Dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An”.

- Thỏa thuận cấp bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai số MMD20253877887/TTBL/LV/SDI-TCB ngày 18/11/2025 được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Bên bảo lãnh) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn (Bên được bảo lãnh) về việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam đồng ý phát hành bảo lãnh cho người mua nhà ở hình thành trong tương lai đối với Khu nhà ở thấp tầng LV thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An; Trong đó, nội dung về số tiền bảo lãnh là: “Số tiền bảo lãnh tại Thư Bảo Lãnh cho từng Bên Mua tối đa bằng tổng số tiền Chủ Đầu Tư được phép nhận ứng trước của Bên Mua theo quy định tại Điều 25 Luật kinh doanh bất động sản và các khoản tiền khác (nếu có) theo Hợp Đồng”; Mục đích bảo lãnh là: “Techcombank cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho chủ đầu tư khi đến thời hạn giao, nhận nhà ở đã cam kết nhưng chủ đầu tư không bàn giao nhà ở cho bên mua mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng mua bán đã ký kết cho bên nhận bảo lãnh khi bên nhận bảo lãnh thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng mua bán do chủ đầu tư vi phạm nghĩa vụ bàn giao theo quy định tại hợp đồng mua bán”; Hạn mức bảo lãnh: “mức bảo lãnh Techcombank và các ngân hàng tham gia bảo lãnh do Techcombank là đại diện và là đầu mối thu xếp bảo lãnh (nếu có) cấp cho chủ đầu tư theo nhu cầu và đàm phán của hai bên từng thời kỳ để đảm bảo tổng số dư tín dụng (bao gồm dư nợ vay, dư bảo lãnh có hiệu lực, số dư thư tín dụng có hiệu lực) đối với chủ đầu tư và nhóm khách hàng liên quan tới chủ đầu tư không vượt quá giới hạn cấp tín dụng theo quy định pháp luật và chính sách của Techcombank đối với chủ đầu tư trong từng thời kỳ” và các nội dung khác có liên quan.

- Phụ lục sửa đổi Thỏa thuận về việc cấp bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai (đối với nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư) số MMD20253877887/TTBL/LV/SDI-TCB/PL-01 ngày 18/11/2025 theo đó nội dung hạn mức bảo lãnh được sửa đổi, bổ sung thành “*hạn mức bảo lãnh Techcombank và các ngân hàng tham gia bảo lãnh do Techcombank là đại diện và là đầu mối thu xếp bảo lãnh (nếu có) cấp cho chủ đầu tư tối đa là 500.000.000.000 đồng (bằng chữ: năm trăm tỷ đồng chẵn) và đảm bảo tổng số dư tín dụng đối với chủ đầu tư và nhóm khách hàng liên quan tới chủ đầu tư không vượt quá giới hạn cấp tín dụng theo quy định pháp luật*”.

5. Thông tin về các nội dung khác có liên quan

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (mã số doanh nghiệp: 0301707699) do Phòng Đăng ký kinh doanh (thuộc Sở Tài chính) chứng nhận (đăng ký lần đầu: ngày 21/04/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 25, ngày 21/5/2025).

- Sổ đăng ký cổ đông 0505/2025/SĐKCD-SDI ngày 05/5/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn.

- Công văn số 1504/UBND-KTHTĐT ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng có ý kiến xác nhận thông tin pháp lý dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn làm chủ đầu tư; theo đó xác nhận “*Đến nay, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng chưa nhận đơn, văn bản đề nghị liên quan Khu nhà ở liên kế vườn LV1, LV2, lô đất Nhà ở chung cư - kết hợp thương mại dịch vụ tại ô đất CT5 và CT7 thuộc dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An theo quy định tại điểm b, c, d, đ Điều 14 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023*”.

- Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn cam kết nội dung:

“- Đến thời điểm hiện tại chưa ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở tại Dự án; đồng thời cam kết đến thời điểm hiện tại và đến trước khi ký hợp đồng mua bán, cho thuê nhà ở với từng khách hàng thì Dự án và nhà ở tại Dự án không được thế chấp tại bất kỳ tổ chức tín dụng, cá nhân nào.

- Thực hiện đầu tư xây dựng Dự án, công trình nhà ở tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc và giấy phép xây dựng được cấp.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình huy động vốn thực hiện dự án và công khai thông tin về bất động sản trước khi đưa vào kinh doanh.

- Chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để được bán, cho thuê mua theo quy định tại Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Công ty không thuộc trường hợp bị cấm hoạt động kinh doanh bất động sản, bị tạm ngưng, bị đình chỉ hoạt động theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản 2023”.

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán

Theo Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025 (đính kèm hồ sơ) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn đề nghị thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán đối với 856 căn nhà ở thấp tầng thuộc Khu nhà ở liên kế vườn LV1, LV2 trong dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường Bình Trưng (trước đây là phường An Phú, Thành phố Thủ Đức).

IV. Điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng để được bán

Căn cứ hồ sơ đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn tại Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025; tiến độ xây dựng công trình được Phòng Kiểm tra chuyên ngành (thuộc Sở Xây dựng) ghi nhận tại Công văn số 3179/KTCN-CD2 ngày 09/12/2025 và quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản, Sở Xây dựng thông báo 856 căn nhà ở thấp tầng thuộc Khu nhà ở liên kế vườn LV1, LV2 trong Khu đô thị Sài Gòn Bình An, phường Bình Trưng đủ điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 (đính kèm Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

V. Trách nhiệm, yêu cầu đối với chủ đầu tư dự án

1. Chịu trách nhiệm về các thông tin về dự án, chủ đầu tư, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đầy đủ, chính xác, trung thực đối với hồ sơ pháp lý đính kèm và nội dung đã cam kết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn tại Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025.

2. Chịu trách nhiệm về đảm bảo nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để bán theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

3. Ký Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản. Hợp đồng mua bán nhà thực hiện theo quy định tại Điều 44, 45, 46 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và theo Hợp đồng mẫu được quy định tại Điều 12 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

4. Chỉ được thu tiền đặt cọc không quá 5% giá bán nhà ở từ bên đặt cọc để mua khi nhà ở đã có đủ các điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023. Sử dụng tiền đã thu từ bên mua để đầu tư xây dựng dự án đúng mục đích sử dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

5. Việc thanh toán trong mua bán nhà ở hình thành trong tương lai được thực hiện nhiều lần, lần đầu không quá 30% giá trị hợp đồng bao gồm cả tiền đặt cọc, những lần tiếp theo phải phù hợp với tiến độ xây dựng nhưng tổng số không quá 70% giá trị hợp đồng khi chưa bàn giao nhà ở cho bên mua, đảm bảo theo quy định tại Điều 25 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; phải sử dụng tiền ứng trước của khách hàng theo đúng mục đích đã cam kết. Nếu bên mua chưa được cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì chủ đầu tư không được thu quá 95% giá trị hợp đồng; giá trị còn lại của hợp đồng được thanh toán khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai cho bên mua.

VI. Đề nghị của Sở Xây dựng

1. Trước khi đưa bất động sản, dự án bất động sản vào kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn phải công khai đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin dự án theo quy định tại Điều 6 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Điều 4 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ. Thực hiện chế độ báo cáo thông tin, dữ liệu về bất động sản trước khi đưa vào kinh doanh và thông tin, dữ liệu về giao dịch bất động sản theo quy định tại khoản 4 Điều 15 và khoản 1, 2, 3 Điều 17 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ, gửi Sở Xây dựng để cập nhật, tổng hợp, theo dõi và quản lý theo thẩm quyền.

2. Trường hợp sau khi Sở Xây dựng có văn bản thông báo về nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đủ điều kiện được đưa vào kinh doanh như trên nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn không thực hiện bán nhà ở mà thực hiện thế chấp/đăng ký biện pháp bảo đảm khác đối với tài sản bảo đảm liên quan dự án (như nhà ở, quyền sử dụng đất hoặc thế chấp dự án) thì việc bán nhà ở này sau khi thế chấp/đăng ký biện pháp bảo đảm khác chỉ được thực hiện khi có đủ điều kiện và có văn bản thông báo của Sở Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023.

3. Trước khi bán nhà ở hình thành trong tương lai, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn phải ký kết thỏa thuận cấp bảo lãnh với Ngân hàng thương mại trong nước/Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (Bên bảo lãnh) về việc Bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn (Bên được bảo lãnh) đối với bên mua nhà ở (Bên nhận bảo lãnh) khi Công ty không bàn giao nhà ở theo cam kết trong hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Căn cứ thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn có trách nhiệm làm việc với Bên bảo lãnh để có được văn bản cam kết của Bên bảo lãnh khẳng định sẽ phát hành thư bảo lãnh cho tất cả bên mua nhà ở thuộc dự án được chấp thuận cấp bảo lãnh của chủ đầu tư. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn có trách nhiệm gửi bản sao văn bản cam kết này cho bên mua khi ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai. Trường hợp bên mua nhà ở từ chối việc bảo lãnh cho nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư đối với

mình thì phải được thỏa thuận bằng văn bản tại thời điểm ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn có trách nhiệm gửi hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai cho Bên bảo lãnh để đề nghị Bên bảo lãnh phát hành thư bảo lãnh về việc Bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Công ty đối với bên mua nhà ở khi Công ty không bàn giao nhà ở theo cam kết trong Hợp đồng cho bên mua theo quy định tại Điều 26 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và quy định pháp luật về bảo lãnh ngân hàng.

4. Công ty chỉ được thực hiện việc bán nhà ở thuộc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản sau khi dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận công bố thuộc danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn nằm trong khu vực mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép sở hữu nhà ở.

5. Triển khai thực hiện dự án theo mục tiêu đầu tư, nội dung dự án, tiến độ và các nội dung khác được quy định tại các văn bản pháp lý của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Thực hiện đầy đủ yêu cầu đối với dự án bất động sản và trách nhiệm của chủ đầu tư dự án bất động sản, trách nhiệm của bên bán nhà ở theo quy định tại Điều 11, 17, 19 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, theo pháp luật về nhà ở, đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật khác kèm quy định hướng dẫn thực hiện có liên quan.

(Văn bản này thay thế cho Văn bản số 1039/SXD-PTN&TTBĐS ngày 18/01/2023 của Sở Xây dựng về bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 554 căn nhà liên kế vườn tại 554 nền đất thuộc Khu nhà ở thấp tầng có ký hiệu LV trong dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An và Văn bản số 4964/SXD-PTN&TTBĐS ngày 11/4/2023 của Sở Xây dựng về bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 359 căn nhà liên kế vườn tại 359 nền đất thuộc Khu nhà ở thấp tầng có ký hiệu LV trong dự án Khu đô thị Sài Gòn Bình An).

Sở Xây dựng thông báo đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn biết và tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND phường Bình Trưng (để biết);
 - Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố (để biết);
 - Ngân hàng Nhà nước Khu vực 2;
 - Ngân hàng Techcombank;
 - Ban GDS: GĐ, PGĐ Mẫn (để báo cáo);
 - Phòng Kiểm tra chuyên ngành (để kiểm tra);
 - Tổ CNTT-VPS (đăng Website);
 - Lưu: VT, PTĐT (ĐT: TTB).
- (hs: H29.18-251127-0028)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Mẫn

SỞ XÂY DỰNG



Phụ lục 1

DANH SÁCH 369 CĂN NHÀ Ở THẤP TẦNG THUỘC KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ VƯỜN
LV1 TRONG DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SÀI GÒN BÌNH AN
PHƯỜNG BÌNH TRƯNG

(Đính kèm theo Công văn số ..196.99../SXD-PTĐT ngày 12. tháng 12 năm 2025
của Sở Xây dựng)

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	LV1-1	LV1-1-1	641,7	3	L1 DL 2	AA 01395985	VP21262
2	LV1-1	LV1-1-2	386,4	3	L1 DL 5	AA 01395986	VP21263
3	LV1-1	LV1-1-3	390,9	3	L1 DL 5	AA 01395988	VP21266
4	LV1-1	LV1-1-4	390,6	3	L1 DL 5	AA 01380226	VP21271
5	LV1-1	LV1-1-5	390,2	3	L1 DL 5	AA 01395993	VP21272
6	LV1-1	LV1-1-6	395,3	3	L1 DL 5	AA 01395995	VP21274
7	LV1-1	LV1-1-7	404,5	3	L1 DL 5	AA 01395997	VP21276
8	LV1-1	LV1-1-8	331,6	4	L1 DL 6	AA 01395999	VP21278
9	LV1-1	LV1-1-9	272,5	4	L1 DL 9	AA 01396000	VP21279
10	LV1-1	LV1-1-10	228,0	4	L1 DL 7	AA 01396002	VP21281
11	LV1-1	LV1-1-11	228,0	4	L1 DL 7 M	AA 01396005	VP21284
12	LV1-1	LV1-1-12	228,0	4	L1 DL 7	AA 01396007	VP21286
13	LV1-1	LV1-1-13	228,0	4	L1 DL 7 M	AA 01396009	VP21288
14	LV1-1	LV1-1-14	228,0	4	L1 DL 7	AA 01396011	VP21290
15	LV1-1	LV1-1-15	228,0	4	L1 DL 7 M	AA 01396013	VP21292
16	LV1-1	LV1-1-16	228,0	4	L1 DL 7	AA 01396014	VP21293
17	LV1-1	LV1-1-17	228,0	4	L1 DL 7 M	AA 01396015	VP21294
18	LV1-1	LV1-1-18	228,0	4	L1 DL 7	AA 01396016	VP21295
19	LV1-1	LV1-1-19	228,0	4	L1 DL 7 M	AA 01396018	VP21297
20	LV1-1	LV1-1-20	228,0	4	L1 DL 7	AA 01380221	VP21299
21	LV1-1	LV1-1-21	228,0	4	L1 DL 7 M	AA 01380220	VP21261
22	LV1-1	LV1-1-22	827,1	3	L1 DL 1	AA 01396023	VP21301
23	LV1-2	LV1-2-1	461,5	3	L1 DL 4	AA 01380889	VP22389
24	LV1-2	LV1-2-2	152,0	4	L1 DL 16 M	AA 01396453	VP22390

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
25	LV1-2	LV1-2-3	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396454	VP22391
26	LV1-2	LV1-2-4	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396455	VP22392
27	LV1-2	LV1-2-5	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396456	VP22393
28	LV1-2	LV1-2-6	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396457	VP22394
29	LV1-2	LV1-2-7	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396458	VP22395
30	LV1-2	LV1-2-8	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396459	VP22396
31	LV1-2	LV1-2-9	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396460	VP22397
32	LV1-2	LV1-2-10	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396461	VP22398
33	LV1-2	LV1-2-11	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396462	VP22399
34	LV1-2	LV1-2-12	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396463	VP22401
35	LV1-2	LV1-2-13	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396464	VP22421
36	LV1-2	LV1-2-14	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396465	VP22423
37	LV1-2	LV1-2-15	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396466	VP22424
38	LV1-2	LV1-2-16	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396467	VP22425
39	LV1-2	LV1-2-17	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396468	VP22427
40	LV1-2	LV1-2-18	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396469	VP22428
41	LV1-2	LV1-2-19	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396470	VP22430
42	LV1-2	LV1-2-20	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396471	VP22431
43	LV1-2	LV1-2-21	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396472	VP22432
44	LV1-2	LV1-2-22	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396473	VP22434
45	LV1-2	LV1-2-23	234,5	4	L1 DL 8	AA 01396474	VP22437
46	LV1-2	LV1-2-24	234,5	4	L1 DL 8 M	AA 01396475	VP22438
47	LV1-2	LV1-2-25	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396476	VP22439
48	LV1-2	LV1-2-26	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396477	VP22440
49	LV1-2	LV1-2-27	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396478	VP22441
50	LV1-2	LV1-2-28	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396479	VP22442
51	LV1-2	LV1-2-29	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396480	VP22443
52	LV1-2	LV1-2-30	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396481	VP22444
53	LV1-2	LV1-2-31	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396482	VP22445
54	LV1-2	LV1-2-32	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396483	VP22447
55	LV1-2	LV1-2-33	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396484	VP22449
56	LV1-2	LV1-2-34	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396485	VP22451
57	LV1-2	LV1-2-35	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396486	VP22453

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
58	LV1-2	LV1-2-36	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396487	VP22456
59	LV1-2	LV1-2-37	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396488	VP22457
60	LV1-2	LV1-2-38	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396489	VP22458
61	LV1-2	LV1-2-39	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396490	VP22459
62	LV1-2	LV1-2-40	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396491	VP22460
63	LV1-2	LV1-2-41	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396492	VP22461
64	LV1-2	LV1-2-42	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396493	VP22462
65	LV1-2	LV1-2-43	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396494	VP22463
66	LV1-2	LV1-2-44	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396495	VP22464
67	LV1-2	LV1-2-45	152	4	L1 DL 16	AA 01396496	VP22465
68	LV1-2	LV1-2-46	567,9	4	L1 DL 3	AA 01396497	VP22466
69	LV1-3	LV1-3-1	287,2	4	L1 DL 14	AA 01396612	VP22765
70	LV1-3	LV1-3-2	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396613	VP22868
71	LV1-3	LV1-3-3	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396614	VP22869
72	LV1-3	LV1-3-4	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396615	VP22870
73	LV1-3	LV1-3-5	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396616	VP22871
74	LV1-3	LV1-3-6	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396617	VP22872
75	LV1-3	LV1-3-7	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396618	VP22873
76	LV1-3	LV1-3-8	228	4	L1 DL 7 M	AA 01396619	VP22874
77	LV1-3	LV1-3-9	228	4	L1 DL 7	AA 01396620	VP22875
78	LV1-3	LV1-3-10	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396621	VP22876
79	LV1-3	LV1-3-11	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396622	VP22877
80	LV1-3	LV1-3-12	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396623	VP22878
81	LV1-3	LV1-3-13	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396624	VP22769
82	LV1-3	LV1-3-14	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396625	VP22879
83	LV1-3	LV1-3-15	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396626	VP22771
84	LV1-3	LV1-3-16	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396627	VP22880
85	LV1-3	LV1-3-17	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396598	VP22881
86	LV1-3	LV1-3-18	234,5	4	L1 DL 8	AA 01396629	VP22882
87	LV1-3	LV1-3-19	234,5	4	L1 DL 8 M	AA 01396630	VP22883
88	LV1-3	LV1-3-20	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396631	VP22884
89	LV1-3	LV1-3-21	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396632	VP22885
90	LV1-3	LV1-3-22	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396633	VP22886



Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
91	LV1-3	LV1-3-23	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396634	VP22773
92	LV1-3	LV1-3-24	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396635	VP22887
93	LV1-3	LV1-3-25	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396636	VP22888
94	LV1-3	LV1-3-26	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396637	VP22889
95	LV1-3	LV1-3-27	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396638	VP22890
96	LV1-3	LV1-3-28	228	4	L1 DL 7 M	AA 01396639	VP22891
97	LV1-3	LV1-3-29	228	4	L1 DL 7	AA 01396640	VP22892
98	LV1-3	LV1-3-30	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396641	VP22893
99	LV1-3	LV1-3-31	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396642	VP22894
100	LV1-3	LV1-3-32	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396643	VP22900
101	LV1-3	LV1-3-33	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396644	VP22903
102	LV1-3	LV1-3-34	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396645	VP22907
103	LV1-3	LV1-3-35	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396646	VP22910
104	LV1-3	LV1-3-36	309	4	L1 DL 10	AA 01396647	VP22913
105	LV1-4	LV1-4-1	213,9	4	L1 DL 11	AA 01396648	VP22915
106	LV1-4	LV1-4-2	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396649	VP22918
107	LV1-4	LV1-4-3	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396650	VP22920
108	LV1-4	LV1-4-4	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396651	VP22923
109	LV1-4	LV1-4-5	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396652	VP22931
110	LV1-4	LV1-4-6	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396653	VP22939
111	LV1-4	LV1-4-7	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396654	VP22941
112	LV1-4	LV1-4-8	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396655	VP22944
113	LV1-4	LV1-4-9	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396656	VP22947
114	LV1-4	LV1-4-10	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396657	VP22950
115	LV1-4	LV1-4-11	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396658	VP22952
116	LV1-4	LV1-4-12	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396659	VP22954
117	LV1-4	LV1-4-13	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396660	VP22955
118	LV1-4	LV1-4-14	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396661	VP22956
119	LV1-4	LV1-4-15	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396662	VP22957
120	LV1-4	LV1-4-16	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396663	VP22958
121	LV1-4	LV1-4-17	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396664	VP22961
122	LV1-4	LV1-4-18	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396665	VP22962
123	LV1-4	LV1-4-19	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396591	VP22963

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
124	LV1-4	LV1-4-20	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396667	VP22964
125	LV1-4	LV1-4-21	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396668	VP22965
126	LV1-4	LV1-4-22	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396669	VP22966
127	LV1-4	LV1-4-23	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396670	VP22967
128	LV1-4	LV1-4-24	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396671	VP22968
129	LV1-4	LV1-4-25	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396672	VP22969
130	LV1-4	LV1-4-26	234,5	4	L1 DL 8	AA 01396673	VP22970
131	LV1-4	LV1-4-27	234,5	4	L1 DL 8 M	AA 01396674	VP22971
132	LV1-4	LV1-4-28	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396675	VP22972
133	LV1-4	LV1-4-29	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396676	VP22973
134	LV1-4	LV1-4-30	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396677	VP22974
135	LV1-4	LV1-4-31	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396678	VP22975
136	LV1-4	LV1-4-32	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396679	VP22976
137	LV1-4	LV1-4-33	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396680	VP22977
138	LV1-4	LV1-4-34	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396681	VP22978
139	LV1-4	LV1-4-35	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396682	VP22979
140	LV1-4	LV1-4-36	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396683	VP22980
141	LV1-4	LV1-4-37	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396684	VP22981
142	LV1-4	LV1-4-38	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396685	VP22982
143	LV1-4	LV1-4-39	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396686	VP22983
144	LV1-4	LV1-4-40	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396687	VP22984
145	LV1-4	LV1-4-41	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396688	VP22985
146	LV1-4	LV1-4-42	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396689	VP22986
147	LV1-4	LV1-4-43	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396690	VP22987
148	LV1-4	LV1-4-44	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396691	VP22988
149	LV1-4	LV1-4-45	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396692	VP22989
150	LV1-4	LV1-4-46	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396693	VP22990
151	LV1-4	LV1-4-47	152	4	L1 SL 1 B	AA 01396694	VP22991
152	LV1-4	LV1-4-48	152	4	L1 SL 1 A	AA 01396695	VP22992
153	LV1-4	LV1-4-49	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396696	VP22993
154	LV1-4	LV1-4-50	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01396697	VP22994
155	LV1-4	LV1-4-51	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01396698	VP22995
156	LV1-4	LV1-4-52	235,6	4	L1 DL 12	AA 01396699	VP22996

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
157	LV1-5	LV1-5-1	254,5	4	L1 DL 15	AA 01381119	VP23105
158	LV1-5	LV1-5-2	152	4	L1 DL 16 M	AA 01381120	VP23106
159	LV1-5	LV1-5-3	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381121	VP23107
160	LV1-5	LV1-5-4	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381122	VP23108
161	LV1-5	LV1-5-5	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381123	VP23109
162	LV1-5	LV1-5-6	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381124	VP23110
163	LV1-5	LV1-5-7	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381125	VP23111
164	LV1-5	LV1-5-8	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381126	VP23112
165	LV1-5	LV1-5-9	228	4	L1 DL 7 M	AA 01381127	VP23113
166	LV1-5	LV1-5-10	228	4	L1 DL 7	AA 01381128	VP23114
167	LV1-5	LV1-5-11	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381129	VP23115
168	LV1-5	LV1-5-12	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381130	VP23116
169	LV1-5	LV1-5-13	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381131	VP23117
170	LV1-5	LV1-5-14	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381132	VP23118
171	LV1-5	LV1-5-15	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381133	VP23119
172	LV1-5	LV1-5-16	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381134	VP23120
173	LV1-5	LV1-5-17	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381135	VP23121
174	LV1-5	LV1-5-18	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381136	VP23122
175	LV1-5	LV1-5-19	234,5	4	L1 DL 8	AA 01381137	VP23123
176	LV1-5	LV1-5-20	234,5	4	L1 DL 8 M	AA 01381138	VP23124
177	LV1-5	LV1-5-21	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381139	VP23125
178	LV1-5	LV1-5-22	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381140	VP23126
179	LV1-5	LV1-5-23	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381141	VP23127
180	LV1-5	LV1-5-24	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381142	VP23128
181	LV1-5	LV1-5-25	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381143	VP23129
182	LV1-5	LV1-5-26	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381144	VP23130
183	LV1-5	LV1-5-27	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381145	VP23131
184	LV1-5	LV1-5-28	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381146	VP23132
185	LV1-5	LV1-5-29	228	4	L1 DL 7 M	AA 01381147	VP23133
186	LV1-5	LV1-5-30	228	4	L1 DL 7	AA 01381148	VP23134
187	LV1-5	LV1-5-31	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381149	VP23135
188	LV1-5	LV1-5-32	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381150	VP23136
189	LV1-5	LV1-5-33	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381151	VP23137

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
190	LV1-5	LV1-5-34	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381152	VP23138
191	LV1-5	LV1-5-35	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381153	VP23139
192	LV1-5	LV1-5-36	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381154	VP23140
193	LV1-5	LV1-5-37	152	4	L1 DL 16	AA 01381155	VP23141
194	LV1-5	LV1-5-38	276,2	4	L1 DL 13	AA 01381156	VP23142
195	LV1-6	LV1-6-1	290,5	4	L1 DL 9	AA 01381157	VP23143
196	LV1-6	LV1-6-2	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381158	VP23144
197	LV1-6	LV1-6-3	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381159	VP23145
198	LV1-6	LV1-6-4	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381160	VP23146
199	LV1-6	LV1-6-5	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381161	VP23148
200	LV1-6	LV1-6-6	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381162	VP23149
201	LV1-6	LV1-6-7	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381163	VP23150
202	LV1-6	LV1-6-8	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381164	VP23151
203	LV1-6	LV1-6-9	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381165	VP23152
204	LV1-6	LV1-6-10	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381166	VP23153
205	LV1-6	LV1-6-11	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381167	VP23154
206	LV1-6	LV1-6-12	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381168	VP23155
207	LV1-6	LV1-6-13	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381169	VP23156
208	LV1-6	LV1-6-14	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381170	VP23157
209	LV1-6	LV1-6-15	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381171	VP23158
210	LV1-6	LV1-6-16	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381172	VP23159
211	LV1-6	LV1-6-17	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381173	VP23161
212	LV1-6	LV1-6-18	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381174	VP23162
213	LV1-6	LV1-6-19	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381175	VP23163
214	LV1-6	LV1-6-20	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381176	VP23164
215	LV1-6	LV1-6-21	152	4	L1 SL 1 B	AA 01381177	VP23165
216	LV1-6	LV1-6-22	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381178	VP23167
217	LV1-6	LV1-6-23	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381179	VP23168
218	LV1-6	LV1-6-24	152	4	L1 SL 1 B M	AA 01381180	VP23169
219	LV1-6	LV1-6-25	152	4	L1 SL 1 A M	AA 01381181	VP23170
220	LV1-6	LV1-6-26	234,5	4	L1 DL 8	AA 01381182	VP23171
221	LV1-6	LV1-6-27	158,5	4	L1 LV DH 1	AA 01381183	VP23172
222	LV1-6	LV1-6-28	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381184	VP23173

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
223	LV1-6	LV1-6-29	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381185	VP23174
224	LV1-6	LV1-6-30	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381186	VP23175
225	LV1-6	LV1-6-31	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381187	VP23177
226	LV1-6	LV1-6-32	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381188	VP23178
227	LV1-6	LV1-6-33	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381189	VP23179
228	LV1-6	LV1-6-34	152	4	L1 LV 2	AA 01381190	VP23180
229	LV1-6	LV1-6-35	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381191	VP23181
230	LV1-6	LV1-6-36	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381192	VP23182
231	LV1-6	LV1-6-37	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381193	VP23183
232	LV1-6	LV1-6-38	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381194	VP23184
233	LV1-6	LV1-6-39	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381195	VP23210
234	LV1-6	LV1-6-40	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381196	VP23213
235	LV1-6	LV1-6-41	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381197	VP23216
236	LV1-6	LV1-6-42	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381198	VP23223
237	LV1-6	LV1-6-43	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381199	VP23225
238	LV1-6	LV1-6-44	152	4	L1 LV 2	AA 01381200	VP23228
239	LV1-6	LV1-6-45	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381201	VP23231
240	LV1-6	LV1-6-46	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381202	VP23233
241	LV1-6	LV1-6-47	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381203	VP23237
242	LV1-6	LV1-6-48	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381204	VP23242
243	LV1-6	LV1-6-49	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381205	VP23244
244	LV1-6	LV1-6-50	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381206	VP23246
245	LV1-6	LV1-6-51	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381207	VP23249
246	LV1-6	LV1-6-52	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381208	VP23252
247	LV1-6	LV1-6-53	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381209	VP23255
248	LV1-6	LV1-6-54	152	4	L1 LV 2	AA 01381210	VP23260
249	LV1-6	LV1-6-55	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381211	VP23264
250	LV1-6	LV1-6-56	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381212	VP23263
251	LV1-6	LV1-6-57	114	4	L1 LV 6	AA 01381213	VP23266
252	LV1-6	LV1-6-58	152	4	L1 SL 1 A	AA 01381214	VP23268
253	LV1-6	LV1-6-59	201,9	4	L1 SL 2	AA 01381215	VP23271
254	LV1-7	LV1-7-1	161	4	L1 LV DH 6	AA 01381465	VP23439
255	LV1-7	LV1-7-2	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381466	VP23440

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
256	LV1-7	LV1-7-3	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381467	VP23441
257	LV1-7	LV1-7-4	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381468	VP23442
258	LV1-7	LV1-7-5	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381469	VP23443
259	LV1-7	LV1-7-6	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381470	VP23444
260	LV1-7	LV1-7-7	152	4	L1 LV 2	AA 01381471	VP23445
261	LV1-7	LV1-7-8	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381472	VP23446
262	LV1-7	LV1-7-9	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381473	VP23447
263	LV1-7	LV1-7-10	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381474	VP23448
264	LV1-7	LV1-7-11	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381475	VP23449
265	LV1-7	LV1-7-12	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381476	VP23450
266	LV1-7	LV1-7-13	190	4	L1 LV 1	AA 01381477	VP23451
267	LV1-7	LV1-7-14	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381478	VP23452
268	LV1-7	LV1-7-15	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381479	VP23453
269	LV1-7	LV1-7-16	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381480	VP23454
270	LV1-7	LV1-7-17	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381481	VP23455
271	LV1-7	LV1-7-18	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381482	VP23456
272	LV1-7	LV1-7-19	152	4	L1 LV 2	AA 01381483	VP23457
273	LV1-7	LV1-7-20	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381484	VP23458
274	LV1-7	LV1-7-21	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381485	VP23459
275	LV1-7	LV1-7-22	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381486	VP23460
276	LV1-7	LV1-7-23	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381487	VP23461
277	LV1-7	LV1-7-24	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381488	VP23462
278	LV1-7	LV1-7-25	158,5	4	L1 LV DH 1M	AA 01381489	VP23463
279	LV1-7	LV1-7-26	158,5	4	L1 LV DH 1	AA 01381490	VP23464
280	LV1-7	LV1-7-27	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381491	VP23465
281	LV1-7	LV1-7-28	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381492	VP23466
282	LV1-7	LV1-7-29	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381493	VP23467
283	LV1-7	LV1-7-30	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381494	VP23468
284	LV1-7	LV1-7-31	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381495	VP23469
285	LV1-7	LV1-7-32	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381496	VP23470
286	LV1-7	LV1-7-33	152	4	L1 LV 2	AA 01381497	VP23471
287	LV1-7	LV1-7-34	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381498	VP23472
288	LV1-7	LV1-7-35	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381499	VP23473

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
289	LV1-7	LV1-7-36	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381500	VP23474
290	LV1-7	LV1-7-37	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381501	VP23475
291	LV1-7	LV1-7-38	190	4	L1 LV 1 M	AA 01381502	VP23476
292	LV1-7	LV1-7-39	152	4	L1 LV 2	AA 01381503	VP23477
293	LV1-7	LV1-7-40	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381504	VP23478
294	LV1-7	LV1-7-41	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381505	VP23479
295	LV1-7	LV1-7-42	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381506	VP23480
296	LV1-7	LV1-7-43	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381507	VP23481
297	LV1-7	LV1-7-44	152	4	L1 LV 2 M	AA 01381508	VP23482
298	LV1-7	LV1-7-45	152	4	L1 LV 2	AA 01381509	VP23483
299	LV1-7	LV1-7-46	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381510	VP23484
300	LV1-7	LV1-7-47	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381511	VP23531
301	LV1-7	LV1-7-48	114	4	L1 LV 5 B	AA 01381512	VP23532
302	LV1-7	LV1-7-49	114	4	L1 LV 5 A	AA 01381513	VP23533
303	LV1-7	LV1-7-50	148,3	4	L1 LV DH 5	AA 01381514	VP23534
304	LV1-8	LV1-8-1	173,4	4	L1 LV DH 4	AA 01381561	VP 24031
305	LV1-8	LV1-8-2	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381562	VP 24034
306	LV1-8	LV1-8-3	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381563	VP 24037
307	LV1-8	LV1-8-4	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381564	VP 24039
308	LV1-8	LV1-8-5	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381565	VP 24041
309	LV1-8	LV1-8-6	144	4	L1 LV 3 M	AA 01381566	VP 24046
310	LV1-8	LV1-8-7	144	4	L1 LV 3	AA 01381567	VP 24051
311	LV1-8	LV1-8-8	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381568	VP 24053
312	LV1-8	LV1-8-9	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381569	VP 24055
313	LV1-8	LV1-8-10	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381570	VP 24057
314	LV1-8	LV1-8-11	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381571	VP 24058
315	LV1-8	LV1-8-12	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381572	VP 24060
316	LV1-8	LV1-8-13	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381573	VP 24063
317	LV1-8	LV1-8-14	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381574	VP 24065
318	LV1-8	LV1-8-15	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381575	VP 24071
319	LV1-8	LV1-8-16	144	4	L1 LV 3 M	AA 01381576	VP 24074
320	LV1-8	LV1-8-17	144	4	L1 LV 3	AA 01381577	VP 24078
321	LV1-8	LV1-8-18	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381578	VP 24081

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
322	LV1-8	LV1-8-19	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381579	VP 24084
323	LV1-8	LV1-8-20	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381580	VP 24085
324	LV1-8	LV1-8-21	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381581	VP 24089
325	LV1-8	LV1-8-22	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381582	VP 24091
326	LV1-8	LV1-8-23	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381583	VP 24092
327	LV1-8	LV1-8-24	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381584	VP 24095
328	LV1-8	LV1-8-25	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381585	VP 24096
329	LV1-8	LV1-8-26	144	4	L1 LV 3 M	AA 01381586	VP 24098
330	LV1-8	LV1-8-27	144	4	L1 LV 3	AA 01381587	VP 24100
331	LV1-8	LV1-8-28	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381588	VP 24104
332	LV1-8	LV1-8-29	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381589	VP 24107
333	LV1-8	LV1-8-30	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381590	VP 24109
334	LV1-8	LV1-8-31	108	4	L1 LV 7 B	AA 01381591	VP 24110
335	LV1-8	LV1-8-32	108	4	L1 LV 7 A	AA 01381592	VP 24112
336	LV1-8	LV1-8-33	149,5	4	L1 LV DH 2	AA 01381593	VP 24113
337	LV1-8	LV1-8-34	167,5	4	L1 LV DH 3	AA 01381594	VP 24115
338	LV1-8	LV1-8-35	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381595	VP 24116
339	LV1-8	LV1-8-36	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381596	VP 24117
340	LV1-8	LV1-8-37	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381597	VP 24118
341	LV1-8	LV1-8-38	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381598	VP 24119
342	LV1-8	LV1-8-39	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381599	VP 24121
343	LV1-8	LV1-8-40	160	4	L1 LV 4	AA 01381600	VP 24122
344	LV1-8	LV1-8-41	160	4	L1 LV 4 M	AA 01381601	VP 24123
345	LV1-8	LV1-8-42	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381602	VP 24124
346	LV1-8	LV1-8-43	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381603	VP 24128
347	LV1-8	LV1-8-44	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381604	VP 24130
348	LV1-8	LV1-8-45	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381605	VP 24132
349	LV1-8	LV1-8-46	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381606	VP 24133
350	LV1-8	LV1-8-47	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381607	VP 24134
351	LV1-8	LV1-8-48	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381608	VP 24137
352	LV1-8	LV1-8-49	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381609	VP 24139
353	LV1-8	LV1-8-50	160	4	L1 LV 4	AA 01381610	VP 24141
354	LV1-8	LV1-8-51	160	4	L1 LV 4 M	AA 01381611	VP 24143

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
355	LV1-8	LV1-8-52	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381612	VP 24145
356	LV1-8	LV1-8-53	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381613	VP 24150
357	LV1-8	LV1-8-54	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381614	VP 24152
358	LV1-8	LV1-8-55	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381615	VP 24157
359	LV1-8	LV1-8-56	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381616	VP 24159
360	LV1-8	LV1-8-57	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381617	VP 24161
361	LV1-8	LV1-8-58	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381618	VP 24163
362	LV1-8	LV1-8-59	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381619	VP 24165
363	LV1-8	LV1-8-60	160	4	L1 LV 4	AA 01381620	VP 24167
364	LV1-8	LV1-8-61	160	4	L1 LV 4 M	AA 01381621	VP 24169
365	LV1-8	LV1-8-62	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381622	VP 24171
366	LV1-8	LV1-8-63	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381623	VP 24173
367	LV1-8	LV1-8-64	120	4	L1 LV 8 B	AA 01381624	VP 24175
368	LV1-8	LV1-8-65	120	4	L1 LV 8 A	AA 01381625	VP 24178
369	LV1-8	LV1-8-66	180,8	4	L1 LV DH 7	AA 01381626	VP 24180

Ghi chú:

- Cột số (2), (3), (4), (5), (6): thông tin được lấy theo Công văn số 17527/SXD-QLXDCT ngày 26/11/2025 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.
- Cột số (7), (8): thông tin được lấy theo Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và phải cung cấp thông tin đầy đủ về vị trí, ký hiệu/mã căn nhà, diện tích ... cho khách hàng mua nhà ở trong quá trình ký hợp đồng mua bán nhà ở.



Phụ lục 2

**DANH SÁCH 487 CĂN NHÀ Ở THÁP TẦNG THUỘC KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ VƯỜN
LV2 TRONG DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SÀI GÒN BÌNH AN
PHƯỜNG BÌNH TRƯNG**

(Đính kèm theo Công văn số ...19699.../SXD-PTĐT ngày 12 tháng 12 năm 2025
của Sở Xây dựng)

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	LV2-1	LV2-1-1	287,5	4	L2 DL 3	AA 01395987	VP21264
2	LV2-1	LV2-1-2	160,0	4	L2 SL 5 A	AA 01395989	VP21267
3	LV2-1	LV2-1-3	160,0	4	L2 SL 5 B	AA 01395990	VP21268
4	LV2-1	LV2-1-4	160,0	4	L2 SL 5 A	AA 01395991	VP21270
5	LV2-1	LV2-1-5	160,0	4	L2 SL 5 B	AA 01395994	VP21273
6	LV2-1	LV2-1-6	160,0	4	L2 SL 5 A	AA 01395996	VP21275
7	LV2-1	LV2-1-7	160,0	4	L2 SL 5 B	AA 01395998	VP21277
8	LV2-1	LV2-1-8	160,0	4	L2 SL 5 A	AA 01396001	VP21280
9	LV2-1	LV2-1-9	160,0	4	L2 SL 5 B	AA 01396003	VP21282
10	LV2-1	LV2-1-10	160,0	4	L2 SL 5 A	AA 01396004	VP21283
11	LV2-1	LV2-1-11	160,0	4	L2 SL 5 B	AA 01396006	VP21285
12	LV2-1	LV2-1-12	160,0	4	L2 SL 5 A	AA 01396008	VP21287
13	LV2-1	LV2-1-13	160,0	4	L2 SL 5 B	AA 01396010	VP21289
14	LV2-1	LV2-1-14	160,0	4	L2 SL 5 A	AA 01396012	VP21291
15	LV2-1	LV2-1-15	160,0	4	L2 SL 5 B	AA 01396017	VP21296
16	LV2-1	LV2-1-16	287,5	4	L2 DL 3 M	AA 01396019	VP21298
17	LV2-1	LV2-1-17	257,5	4	L2 DL 2 M	AA 01396022	VP21300
18	LV2-1	LV2-1-18	144,0	4	L2 SL 4 B	AA 01396024	VP21302
19	LV2-1	LV2-1-19	144,0	4	L2 SL 4 A	AA 01380219	VP21303
20	LV2-1	LV2-1-20	144,0	4	L2 SL 4 B	AA 01396026	VP21304
21	LV2-1	LV2-1-21	144,0	4	L2 SL 4 A	AA 01396027	VP21305
22	LV2-1	LV2-1-22	144,0	4	L2 SL 4 B	AA 01396028	VP21306
23	LV2-1	LV2-1-23	144,0	4	L2 SL 4 A	AA 01396029	VP21307

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
24	LV2-1	LV2-1-24	144,0	4	L2 SL 4 B	AA 01396030	VP21308
25	LV2-1	LV2-1-25	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396031	VP21309
26	LV2-1	LV2-1-26	144	4	L2 SL 4 B	AA 01396032	VP21310
27	LV2-1	LV2-1-27	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396033	VP21311
28	LV2-1	LV2-1-28	144	4	L2 SL 4 B	AA 01396034	VP21312
29	LV2-1	LV2-1-29	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396035	VP21313
30	LV2-1	LV2-1-30	144	4	L2 SL 4 B	AA 01396036	VP21314
31	LV2-1	LV2-1-31	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396037	VP21315
32	LV2-1	LV2-1-32	257,5	4	L2 DL 2	AA 01396038	VP21316
33	LV2-2	LV2-2-1	247,5	4	L2 DL 6 M	AA 01396039	VP21317
34	LV2-2	LV2-2-2	160	4	L2 SL 5 A	AA 01396040	VP21319
35	LV2-2	LV2-2-3	160	4	L2 SL 5 B	AA 01396041	VP21321
36	LV2-2	LV2-2-4	160	4	L2 SL 5 A	AA 01396042	VP21322
37	LV2-2	LV2-2-5	160	4	L2 SL 5 B	AA 01396043	VP21323
38	LV2-2	LV2-2-6	160	4	L2 SL 5 A	AA 01396044	VP21324
39	LV2-2	LV2-2-7	160	4	L2 SL 5 B	AA 01396045	VP21325
40	LV2-2	LV2-2-8	160	4	L2 SL 5 A	AA 01396046	VP21326
41	LV2-2	LV2-2-9	160	4	L2 SL 5 B	AA 01396047	VP21327
42	LV2-2	LV2-2-10	247,5	4	L2 DL 6 M	AA 01396048	VP21328
43	LV2-2	LV2-2-11	221,5	4	L2 DL 5 M	AA 01396049	VP21329
44	LV2-2	LV2-2-12	144	4	L2 SL 4 B	AA 01396050	VP21330
45	LV2-2	LV2-2-13	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396051	VP21331
46	LV2-2	LV2-2-14	144	4	L2 SL 4 B	AA 01396052	VP21332
47	LV2-2	LV2-2-15	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396053	VP21333
48	LV2-2	LV2-2-16	144	4	L2 SL 4 B	AA 01396054	VP21334
49	LV2-2	LV2-2-17	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396498	VP22467
50	LV2-2	LV2-2-18	144	4	L2 SL 4 B	AA 01396499	VP22468
51	LV2-2	LV2-2-19	144	4	L2 SL 4 A	AA 01396500	VP22469
52	LV2-2	LV2-2-20	221,5	4	L2 DL 5	AA 01396501	VP22470
53	LV2-3	LV2-3-1	247,5	4	L2 DL 6	AA 01381216	VP23273
54	LV2-3	LV2-3-2	160	4	L2 SL 5 A	AA 01381217	VP23276
55	LV2-3	LV2-3-3	160	4	L2 SL 5 B	AA 01381218	VP23278
56	LV2-3	LV2-3-4	160	4	L2 SL 5 A	AA 01381219	VP23280

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
57	LV2-3	LV2-3-5	160	4	L2 SL 5 B	AA 01381220	VP23282
58	LV2-3	LV2-3-6	160	4	L2 SL 5 A	AA 01381221	VP23285
59	LV2-3	LV2-3-7	160	4	L2 SL 5 B	AA 01381222	VP23288
60	LV2-3	LV2-3-8	160	4	L2 SL 5 A	AA 01381223	VP23290
61	LV2-3	LV2-3-9	160	4	L2 SL 5 B	AA 01381224	VP23293
62	LV2-3	LV2-3-10	247,5	4	L2 DL 6 M	AA 01381225	VP23294
63	LV2-3	LV2-3-11	221,5	4	L2 DL 5 M	AA 01381226	VP23295
64	LV2-3	LV2-3-12	144	4	L2 SL 4 B	AA 01381227	VP23296
65	LV2-3	LV2-3-13	144	4	L2 SL 4 A	AA 01381228	VP23298
66	LV2-3	LV2-3-14	144	4	L2 SL 4 B	AA 01381229	VP23300
67	LV2-3	LV2-3-15	144	4	L2 SL 4 A	AA 01381230	VP23303
68	LV2-3	LV2-3-16	144	4	L2 SL 4 B	AA 01381231	VP23305
69	LV2-3	LV2-3-17	144	4	L2 SL 4 A	AA 01381232	VP23308
70	LV2-3	LV2-3-18	144	4	L2 SL 4 B	AA 01381233	VP23311
71	LV2-3	LV2-3-19	144	4	L2 SL 4 A	AA 01381234	VP23314
72	LV2-3	LV2-3-20	221,5	4	L2 DL 5	AA 01381235	VP23316
73	LV2-4	LV2-4-1	177,8	4	L2 LV DH 7	AA 01381627	VP 24182
74	LV2-4	LV2-4-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381628	VP 24188
75	LV2-4	LV2-4-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381629	VP 24190
76	LV2-4	LV2-4-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381630	VP 24193
77	LV2-4	LV2-4-5	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381631	VP 24196
78	LV2-4	LV2-4-6	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381632	VP 24198
79	LV2-4	LV2-4-7	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381633	VP 24201
80	LV2-4	LV2-4-8	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381634	VP 24204
81	LV2-4	LV2-4-9	144	4	L2 LV 4	AA 01381635	VP 24206
82	LV2-4	LV2-4-10	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381636	VP 24208
83	LV2-4	LV2-4-11	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381637	VP 24209
84	LV2-4	LV2-4-12	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381638	VP 24211
85	LV2-4	LV2-4-13	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381639	VP 24213
86	LV2-4	LV2-4-14	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381640	VP 24214
87	LV2-4	LV2-4-15	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381641	VP 24215
88	LV2-4	LV2-4-16	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381642	VP 24217
89	LV2-4	LV2-4-17	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381643	VP 24219

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
90	LV2-4	LV2-4-18	144	4	L2 LV 4	AA 01381644	VP 24220
91	LV2-4	LV2-4-19	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381645	VP 24222
92	LV2-4	LV2-4-20	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381646	VP 24224
93	LV2-4	LV2-4-21	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381647	VP 24226
94	LV2-4	LV2-4-22	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381648	VP 24228
95	LV2-4	LV2-4-23	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381649	VP 24230
96	LV2-4	LV2-4-24	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429345	VP 24232
97	LV2-4	LV2-4-25	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381651	VP 24234
98	LV2-4	LV2-4-26	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381652	VP 24236
99	LV2-4	LV2-4-27	176,5	4	L2 LV DH 7 M	AA 01381653	VP 24237
100	LV2-4	LV2-4-28	197,5	4	L2 LV DH 8 M	AA 01381654	VP 24240
101	LV2-4	LV2-4-29	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381655	VP 24242
102	LV2-4	LV2-4-30	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381656	VP 24244
103	LV2-4	LV2-4-31	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381657	VP 24246
104	LV2-4	LV2-4-32	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381658	VP 24248
105	LV2-4	LV2-4-33	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381659	VP 24249
106	LV2-4	LV2-4-34	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381660	VP 24251
107	LV2-4	LV2-4-35	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381661	VP 24255
108	LV2-4	LV2-4-36	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381662	VP24256
109	LV2-4	LV2-4-37	160	4	L2 LV 3	AA 01381663	VP 24257
110	LV2-4	LV2-4-38	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381664	VP 24258
111	LV2-4	LV2-4-39	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381665	VP 24259
112	LV2-4	LV2-4-40	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381666	VP 24260
113	LV2-4	LV2-4-41	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381667	VP 24261
114	LV2-4	LV2-4-42	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381668	VP 24262
115	LV2-4	LV2-4-43	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381669	VP 24263
116	LV2-4	LV2-4-44	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381670	VP 24264
117	LV2-4	LV2-4-45	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381671	VP 24265
118	LV2-4	LV2-4-46	160	4	L2 LV 3	AA 01381672	VP 24266
119	LV2-4	LV2-4-47	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381673	VP 24267
120	LV2-4	LV2-4-48	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429343	VP 24268
121	LV2-4	LV2-4-49	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429344	VP 24269
122	LV2-4	LV2-4-50	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381676	VP 24270

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
123	LV2-4	LV2-4-51	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381677	VP 24271
124	LV2-4	LV2-4-52	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381678	VP 24272
125	LV2-4	LV2-4-53	319	4	L2 DL 1	AA 01381679	VP 24273
126	LV2-5	LV2-5-1	177,8	4	L2 LV DH 7	AA 01381701	VP23549
127	LV2-5	LV2-5-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381702	VP23551
128	LV2-5	LV2-5-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381703	VP23553
129	LV2-5	LV2-5-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381704	VP23555
130	LV2-5	LV2-5-5	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381705	VP23557
131	LV2-5	LV2-5-6	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381706	VP23558
132	LV2-5	LV2-5-7	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381707	VP23560
133	LV2-5	LV2-5-8	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381708	VP23562
134	LV2-5	LV2-5-9	144	4	L2 LV 4	AA 01381709	VP23564
135	LV2-5	LV2-5-10	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381710	VP23566
136	LV2-5	LV2-5-11	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381711	VP23568
137	LV2-5	LV2-5-12	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381712	VP23569
138	LV2-5	LV2-5-13	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381713	VP23570
139	LV2-5	LV2-5-14	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381714	VP23571
140	LV2-5	LV2-5-15	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381715	VP23575
141	LV2-5	LV2-5-16	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381716	VP23576
142	LV2-5	LV2-5-17	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381717	VP23578
143	LV2-5	LV2-5-18	144	4	L2 LV 4	AA 01381718	VP23580
144	LV2-5	LV2-5-19	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381719	VP23581
145	LV2-5	LV2-5-20	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381720	VP23583
146	LV2-5	LV2-5-21	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381721	VP23585
147	LV2-5	LV2-5-22	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381722	VP23586
148	LV2-5	LV2-5-23	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381723	VP23588
149	LV2-5	LV2-5-24	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381724	VP23590
150	LV2-5	LV2-5-25	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381725	VP23592
151	LV2-5	LV2-5-26	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381726	VP23594
152	LV2-5	LV2-5-27	176,5	4	L2 LV DH 7 M	AA 01381727	VP23595
153	LV2-5	LV2-5-28	197,5	4	L2 LV DH 8 M	AA 01381728	VP23597
154	LV2-5	LV2-5-29	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381729	VP23599
155	LV2-5	LV2-5-30	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381730	VP23600

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
156	LV2-5	LV2-5-31	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381731	VP23601
157	LV2-5	LV2-5-32	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381732	VP23602
158	LV2-5	LV2-5-33	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381733	VP23603
159	LV2-5	LV2-5-34	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381734	VP23604
160	LV2-5	LV2-5-35	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381735	VP23605
161	LV2-5	LV2-5-36	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381736	VP23606
162	LV2-5	LV2-5-37	160	4	L2 LV 3	AA 01381737	VP23607
163	LV2-5	LV2-5-38	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381738	VP23608
164	LV2-5	LV2-5-39	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381739	VP23610
165	LV2-5	LV2-5-40	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381740	VP23612
166	LV2-5	LV2-5-41	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381741	VP23613
167	LV2-5	LV2-5-42	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381742	VP23614
168	LV2-5	LV2-5-43	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381743	VP23615
169	LV2-5	LV2-5-44	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381744	VP23618
170	LV2-5	LV2-5-45	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381745	VP23619
171	LV2-5	LV2-5-46	160	4	L2 LV 3	AA 01381746	VP23620
172	LV2-5	LV2-5-47	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381747	VP23621
173	LV2-5	LV2-5-48	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381748	VP23622
174	LV2-5	LV2-5-49	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381749	VP23623
175	LV2-5	LV2-5-50	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381750	VP23624
176	LV2-5	LV2-5-51	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381751	VP23625
177	LV2-5	LV2-5-52	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381752	VP23626
178	LV2-5	LV2-5-53	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381753	VP23627
179	LV2-5	LV2-5-54	199	4	L2 LV DH 8	AA 01381754	VP23628
180	LV2-6	LV2-6-1	177,8	4	L2 LV DH 7	AA 01381755	VP23630
181	LV2-6	LV2-6-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381756	VP23631
182	LV2-6	LV2-6-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381757	VP23632
183	LV2-6	LV2-6-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381758	VP23633
184	LV2-6	LV2-6-5	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381759	VP23634
185	LV2-6	LV2-6-6	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381760	VP23643
186	LV2-6	LV2-6-7	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381761	VP23645
187	LV2-6	LV2-6-8	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381762	VP23647
188	LV2-6	LV2-6-9	144	4	L2 LV 4	AA 01381763	VP23649

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
189	LV2-6	LV2-6-10	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381764	VP23651
190	LV2-6	LV2-6-11	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381765	VP23653
191	LV2-6	LV2-6-12	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381766	VP23654
192	LV2-6	LV2-6-13	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381767	VP23657
193	LV2-6	LV2-6-14	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381768	VP23660
194	LV2-6	LV2-6-15	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381769	VP23662
195	LV2-6	LV2-6-16	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381770	VP23664
196	LV2-6	LV2-6-17	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381771	VP23666
197	LV2-6	LV2-6-18	144	4	L2 LV 4	AA 01381772	VP23667
198	LV2-6	LV2-6-19	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381773	VP23669
199	LV2-6	LV2-6-20	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381774	VP23671
200	LV2-6	LV2-6-21	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381775	VP23672
201	LV2-6	LV2-6-22	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381776	VP23673
202	LV2-6	LV2-6-23	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381777	VP23674
203	LV2-6	LV2-6-24	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381778	VP23677
204	LV2-6	LV2-6-25	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381779	VP23679
205	LV2-6	LV2-6-26	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381780	VP23682
206	LV2-6	LV2-6-27	176,5	4	L2 LV DH 7 M	AA 01381781	VP23683
207	LV2-6	LV2-6-28	197,5	4	L2 LV DH 8 M	AA 01381782	VP23685
208	LV2-6	LV2-6-29	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381783	VP23687
209	LV2-6	LV2-6-30	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381784	VP23688
210	LV2-6	LV2-6-31	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381785	VP23690
211	LV2-6	LV2-6-32	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381786	VP23692
212	LV2-6	LV2-6-33	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381787	VP23693
213	LV2-6	LV2-6-34	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381788	VP23695
214	LV2-6	LV2-6-35	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381789	VP23697
215	LV2-6	LV2-6-36	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381790	VP23698
216	LV2-6	LV2-6-37	160	4	L2 LV 3	AA 01381791	VP23699
217	LV2-6	LV2-6-38	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381792	VP23701
218	LV2-6	LV2-6-39	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381793	VP23702
219	LV2-6	LV2-6-40	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381794	VP23703
220	LV2-6	LV2-6-41	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381795	VP23704
221	LV2-6	LV2-6-42	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381796	VP23705

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
222	LV2-6	LV2-6-43	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381797	VP23706
223	LV2-6	LV2-6-44	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381798	VP23707
224	LV2-6	LV2-6-45	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381799	VP23709
225	LV2-6	LV2-6-46	160	4	L2 LV 3	AA 01381800	VP23710
226	LV2-6	LV2-6-47	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381801	VP23712
227	LV2-6	LV2-6-48	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381802	VP23713
228	LV2-6	LV2-6-49	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381803	VP23714
229	LV2-6	LV2-6-50	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381804	VP23716
230	LV2-6	LV2-6-51	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381805	VP23717
231	LV2-6	LV2-6-52	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381806	VP23719
232	LV2-6	LV2-6-53	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381807	VP23720
233	LV2-6	LV2-6-54	199	4	L2 LV DH 8	AA 01381808	VP23721
234	LV2-7	LV2-7-1	177,8	4	L2 LV DH 7 M	AA 01381814	VP 23974
235	LV2-7	LV2-7-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381815	VP 23976
236	LV2-7	LV2-7-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381816	VP 23977
237	LV2-7	LV2-7-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381817	VP 23997
238	LV2-7	LV2-7-5	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381818	VP 23979
239	LV2-7	LV2-7-6	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381819	VP 23980
240	LV2-7	LV2-7-7	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381820	VP 23981
241	LV2-7	LV2-7-8	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381821	VP 23982
242	LV2-7	LV2-7-9	144	4	L2 LV 4	AA 01381822	VP 23983
243	LV2-7	LV2-7-10	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381823	VP 23984
244	LV2-7	LV2-7-11	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381824	VP 23985
245	LV2-7	LV2-7-12	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381825	VP 23987
246	LV2-7	LV2-7-13	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381826	VP 23989
247	LV2-7	LV2-7-14	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381827	VP 23990
248	LV2-7	LV2-7-15	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381828	VP 23991
249	LV2-7	LV2-7-16	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381829	VP 23992
250	LV2-7	LV2-7-17	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381830	VP 23993
251	LV2-7	LV2-7-18	144	4	L2 LV 4	AA 01381831	VP 23994
252	LV2-7	LV2-7-19	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381832	VP 23995
253	LV2-7	LV2-7-20	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381833	VP 23996
254	LV2-7	LV2-7-21	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381834	VP 23998

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
255	LV2-7	LV2-7-22	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381835	VP 23999
256	LV2-7	LV2-7-23	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381836	VP 24000
257	LV2-7	LV2-7-24	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381837	VP 24001
258	LV2-7	LV2-7-25	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381838	VP 24002
259	LV2-7	LV2-7-26	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381839	VP 24003
260	LV2-7	LV2-7-27	176,5	4	L2 LV DH 7 M	AA 01381840	VP 24004
261	LV2-7	LV2-7-28	197,5	4	L2 LV DH 8 M	AA 01381841	VP 24005
262	LV2-7	LV2-7-29	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381842	VP 24018
263	LV2-7	LV2-7-30	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381843	VP 24019
264	LV2-7	LV2-7-31	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381844	VP 24020
265	LV2-7	LV2-7-32	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381845	VP 24021
266	LV2-7	LV2-7-33	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381846	VP 24022
267	LV2-7	LV2-7-34	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381847	VP 24023
268	LV2-7	LV2-7-35	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381848	VP 24025
269	LV2-7	LV2-7-36	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381849	VP 24026
270	LV2-7	LV2-7-37	160	4	L2 LV 3	AA 01381850	VP 24028
271	LV2-7	LV2-7-38	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381851	VP 24030
272	LV2-7	LV2-7-39	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381852	VP 24033
273	LV2-7	LV2-7-40	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381853	VP 24035
274	LV2-7	LV2-7-41	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381854	VP 24036
275	LV2-7	LV2-7-42	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381855	VP 24040
276	LV2-7	LV2-7-43	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381856	VP 24042
277	LV2-7	LV2-7-44	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381857	VP 24045
278	LV2-7	LV2-7-45	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381858	VP 24050
279	LV2-7	LV2-7-46	160	4	L2 LV 3	AA 01381859	VP 24062
280	LV2-7	LV2-7-47	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381860	VP 24068
281	LV2-7	LV2-7-48	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381861	VP 24070
282	LV2-7	LV2-7-49	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381862	VP 24072
283	LV2-7	LV2-7-50	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381863	VP 24076
284	LV2-7	LV2-7-51	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381864	VP 24077
285	LV2-7	LV2-7-52	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381865	VP 24080
286	LV2-7	LV2-7-53	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381866	VP 24083
287	LV2-7	LV2-7-54	199	4	L2 LV DH 8	AA 01381867	VP 24088

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
288	LV2-8	LV2-8-1	244,7	4	L2 DL 4	AA 01381868	VP 24125
289	LV2-8	LV2-8-2	152	4	L2 DL 7 M	AA 01381869	VP 24126
290	LV2-8	LV2-8-3	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381870	VP 24127
291	LV2-8	LV2-8-4	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381871	VP 24129
292	LV2-8	LV2-8-5	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381872	VP 24131
293	LV2-8	LV2-8-6	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381873	VP 24135
294	LV2-8	LV2-8-7	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381874	VP 24136
295	LV2-8	LV2-8-8	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381875	VP 24138
296	LV2-8	LV2-8-9	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381876	VP 24140
297	LV2-8	LV2-8-10	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381877	VP 24142
298	LV2-8	LV2-8-11	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381878	VP 24144
299	LV2-8	LV2-8-12	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381879	VP 24146
300	LV2-8	LV2-8-13	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381880	VP 24147
301	LV2-8	LV2-8-14	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381881	VP 24148
302	LV2-8	LV2-8-15	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381882	VP 24151
303	LV2-8	LV2-8-16	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381883	VP 24153
304	LV2-8	LV2-8-17	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381884	VP 24154
305	LV2-8	LV2-8-18	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381885	VP 24155
306	LV2-8	LV2-8-19	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381886	VP 24156
307	LV2-8	LV2-8-20	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381887	VP 24158
308	LV2-8	LV2-8-21	244,7	4	L2 DL 4 M	AA 01381888	VP 24160
309	LV2-8	LV2-8-22	244,7	4	L2 DL 4	AA 01381889	VP 24162
310	LV2-8	LV2-8-23	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381890	VP 24164
311	LV2-8	LV2-8-24	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381891	VP 24166
312	LV2-8	LV2-8-25	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381892	VP 24168
313	LV2-8	LV2-8-26	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381893	VP 24170
314	LV2-8	LV2-8-27	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381894	VP 24172
315	LV2-8	LV2-8-28	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381895	VP 24174
316	LV2-8	LV2-8-29	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381896	VP 24176
317	LV2-8	LV2-8-30	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381897	VP 24177
318	LV2-8	LV2-8-31	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381898	VP 24181
319	LV2-8	LV2-8-32	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381899	VP 24183
320	LV2-8	LV2-8-33	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381900	VP 24185

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
321	LV2-8	LV2-8-34	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381901	VP 24186
322	LV2-8	LV2-8-35	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381902	VP 24187
323	LV2-8	LV2-8-36	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381903	VP 24189
324	LV2-8	LV2-8-37	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381904	VP 24191
325	LV2-8	LV2-8-38	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381905	VP 24192
326	LV2-8	LV2-8-39	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381906	VP 24195
327	LV2-8	LV2-8-40	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381907	VP 24197
328	LV2-8	LV2-8-41	152	4	L2 DL 7	AA 01381908	VP 24200
329	LV2-8	LV2-8-42	244,7	4	L2 DL 4 M	AA 01381909	VP 24202
330	LV2-9	LV2-9-1	187	4	L2 SL 2	AA 01381515	VP23485
331	LV2-9	LV2-9-2	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381516	VP23486
332	LV2-9	LV2-9-3	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381517	VP23487
333	LV2-9	LV2-9-4	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381518	VP23488
334	LV2-9	LV2-9-5	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381519	VP23489
335	LV2-9	LV2-9-6	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381520	VP23490
336	LV2-9	LV2-9-7	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381521	VP23491
337	LV2-9	LV2-9-8	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381522	VP23492
338	LV2-9	LV2-9-9	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381523	VP23493
339	LV2-9	LV2-9-10	187,8	4	L2 SL 1	AA 01381524	VP23494
340	LV2-9	LV2-9-11	212,3	4	L2 SL 6	AA 01381525	VP23495
341	LV2-9	LV2-9-12	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381526	VP23496
342	LV2-9	LV2-9-13	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381527	VP23497
343	LV2-9	LV2-9-14	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381528	VP23498
344	LV2-9	LV2-9-15	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381529	VP23499
345	LV2-9	LV2-9-16	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381530	VP23500
346	LV2-9	LV2-9-17	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381531	VP23501
347	LV2-9	LV2-9-18	152	4	L2 SL 3 B	AA 01381532	VP23502
348	LV2-9	LV2-9-19	152	4	L2 SL 3 A	AA 01381533	VP23503
349	LV2-9	LV2-9-20	187	4	L2 SL 2 M	AA 01381534	VP23504
350	LV2-10	LV2-10-1	176,5	4	L2 LV DH 7	AA 01381535	VP23505
351	LV2-10	LV2-10-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381536	VP23506
352	LV2-10	LV2-10-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381537	VP23507
353	LV2-10	LV2-10-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381538	VP23508

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
354	LV2-10	LV2-10-5	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381539	VP23509
355	LV2-10	LV2-10-6	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381540	VP23510
356	LV2-10	LV2-10-7	144	4	L2 LV 4	AA 01381541	VP23511
357	LV2-10	LV2-10-8	144	4	L2 LV 4 M	AA 01381542	VP23512
358	LV2-10	LV2-10-9	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381543	VP23513
359	LV2-10	LV2-10-10	108	4	L2 LV 2 C	AA 01381544	VP23514
360	LV2-10	LV2-10-11	108	4	L2 LV 2 B	AA 01381545	VP23515
361	LV2-10	LV2-10-12	108	4	L2 LV 2 A	AA 01381546	VP23516
362	LV2-10	LV2-10-13	132,2	4	L2 LV DH 9	AA 01381547	VP23517
363	LV2-10	LV2-10-14	174	4	L2 LV DH 4	AA 01381548	VP23518
364	LV2-10	LV2-10-15	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381549	VP23519
365	LV2-10	LV2-10-16	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381550	VP23520
366	LV2-10	LV2-10-17	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381551	VP23521
367	LV2-10	LV2-10-18	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381552	VP23522
368	LV2-10	LV2-10-19	160	4	L2 LV 3 M	AA 01381553	VP23523
369	LV2-10	LV2-10-20	160	4	L2 LV 3	AA 01381554	VP23524
370	LV2-10	LV2-10-21	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381555	VP23525
371	LV2-10	LV2-10-22	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381556	VP23526
372	LV2-10	LV2-10-23	120	4	L2 LV 1 A	AA 01381557	VP23527
373	LV2-10	LV2-10-24	120	4	L2 LV 1 B	AA 01381558	VP23528
374	LV2-10	LV2-10-25	120	4	L2 LV 1 C	AA 01381559	VP23529
375	LV2-10	LV2-10-26	197,5	4	L2 LV DH 8	AA 01381560	VP23530
376	LV2-11	LV2-11-1	176,5	4	L2 LV DH 7	AA 01429001	VP24024
377	LV2-11	LV2-11-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429002	VP24027
378	LV2-11	LV2-11-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429004	VP24032
379	LV2-11	LV2-11-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429003	VP24029
380	LV2-11	LV2-11-5	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429005	VP24038
381	LV2-11	LV2-11-6	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429006	VP24043
382	LV2-11	LV2-11-7	144	4	L2 LV 4	AA 01429007	VP24044
383	LV2-11	LV2-11-8	144	4	L2 LV 4 M	AA 01429008	VP24047
384	LV2-11	LV2-11-9	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429009	VP24048
385	LV2-11	LV2-11-10	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429010	VP24049
386	LV2-11	LV2-11-11	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429011	VP24052

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
387	LV2-11	LV2-11-12	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429012	VP24054
388	LV2-11	LV2-11-13	195,7	4	L2 LV DH 2	AA 01429013	VP24056
389	LV2-11	LV2-11-14	244,6	4	L2 LV DH 3	AA 01429014	VP24059
390	LV2-11	LV2-11-15	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429015	VP24061
391	LV2-11	LV2-11-16	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429016	VP24064
392	LV2-11	LV2-11-17	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429017	VP24067
393	LV2-11	LV2-11-18	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429018	VP24069
394	LV2-11	LV2-11-19	160	4	L2 LV 3 M	AA 01429019	VP24073
395	LV2-11	LV2-11-20	160	4	L2 LV 3	AA 01429020	VP24079
396	LV2-11	LV2-11-21	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429021	VP24082
397	LV2-11	LV2-11-22	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429022	VP24086
398	LV2-11	LV2-11-23	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429023	VP24090
399	LV2-11	LV2-11-24	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429024	VP24094
400	LV2-11	LV2-11-25	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429025	VP24097
401	LV2-11	LV2-11-26	197,5	4	L2 LV DH 8	AA 01429026	VP24099
402	LV2-12	LV2-12-1	176,5	4	L2 LV DH 7	AA 01429027	VP24103
403	LV2-12	LV2-12-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429028	VP24105
404	LV2-12	LV2-12-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429029	VP24106
405	LV2-12	LV2-12-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429030	VP24108
406	LV2-12	LV2-12-5	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429031	VP24111
407	LV2-12	LV2-12-6	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429032	VP24114
408	LV2-12	LV2-12-7	144	4	L2 LV 4	AA 01429033	VP24120
409	LV2-12	LV2-12-8	144	4	L2 LV 4 M	AA 01429034	VP24179
410	LV2-12	LV2-12-9	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429035	VP24184
411	LV2-12	LV2-12-10	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429036	VP24194
412	LV2-12	LV2-12-11	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429037	VP24199
413	LV2-12	LV2-12-12	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429038	VP24203
414	LV2-12	LV2-12-13	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429039	VP24205
415	LV2-12	LV2-12-14	151,2	4	L2 LV DH 5	AA 01429040	VP24207
416	LV2-12	LV2-12-15	195,2	4	L2 LV DH 6	AA 01429041	VP24210
417	LV2-12	LV2-12-16	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429042	VP24212
418	LV2-12	LV2-12-17	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429043	VP24216
419	LV2-12	LV2-12-18	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429044	VP24218

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
420	LV2-12	LV2-12-19	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429045	VP24221
421	LV2-12	LV2-12-20	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429046	VP24223
422	LV2-12	LV2-12-21	160	4	L2 LV 3 M	AA 01429047	VP24225
423	LV2-12	LV2-12-22	160	4	L2 LV 3	AA 01429048	VP24227
424	LV2-12	LV2-12-23	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429049	VP24229
425	LV2-12	LV2-12-24	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429050	VP24231
426	LV2-12	LV2-12-25	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429051	VP24233
427	LV2-12	LV2-12-26	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429052	VP24235
428	LV2-12	LV2-12-27	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429053	VP24238
429	LV2-12	LV2-12-28	197,5	4	L2 LV DH 8	AA 01429054	VP24239
430	LV2-13	LV2-13-1	176,5	4	L2 LV DH 7	AA 01429055	VP24241
431	LV2-13	LV2-13-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429056	VP24243
432	LV2-13	LV2-13-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429057	VP24245
433	LV2-13	LV2-13-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429058	VP24247
434	LV2-13	LV2-13-5	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429059	VP24250
435	LV2-13	LV2-13-6	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429060	VP24252
436	LV2-13	LV2-13-7	144	4	L2 LV 4	AA 01429061	VP24253
437	LV2-13	LV2-13-8	144	4	L2 LV 4 M	AA 01429062	VP24254
438	LV2-13	LV2-13-9	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429063	VP24274
439	LV2-13	LV2-13-10	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429064	VP24275
440	LV2-13	LV2-13-11	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429065	VP24276
441	LV2-13	LV2-13-12	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429066	VP24277
442	LV2-13	LV2-13-13	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429067	VP24278
443	LV2-13	LV2-13-14	216,3	4	L2 DL 8	AA 01429068	VP24279
444	LV2-13	LV2-13-15	267,6	4	L2 DL 6 M	AA 01429069	VP24280
445	LV2-13	LV2-13-16	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429070	VP24281
446	LV2-13	LV2-13-17	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429071	VP24282
447	LV2-13	LV2-13-18	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429072	VP24283
448	LV2-13	LV2-13-19	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429073	VP24284
449	LV2-13	LV2-13-20	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429074	VP24285
450	LV2-13	LV2-13-21	160	4	L2 LV 3 M	AA 01429075	VP24286
451	LV2-13	LV2-13-22	160	4	L2 LV 3	AA 01429076	VP24287
452	LV2-13	LV2-13-23	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429077	VP24288

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
453	LV2-13	LV2-13-24	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429078	VP24289
454	LV2-13	LV2-13-25	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429079	VP24290
455	LV2-13	LV2-13-26	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429080	VP24291
456	LV2-13	LV2-13-27	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429081	VP24292
457	LV2-13	LV2-13-28	197,5	4	L2 LV DH 8	AA 01429082	VP24293
458	LV2-14	LV2-14-1	176,5	4	L2 LV DH 7	AA 01429083	VP24294
459	LV2-14	LV2-14-2	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429084	VP24295
460	LV2-14	LV2-14-3	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429085	VP24296
461	LV2-14	LV2-14-4	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429086	VP24297
462	LV2-14	LV2-14-5	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429087	VP24298
463	LV2-14	LV2-14-6	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429088	VP24299
464	LV2-14	LV2-14-7	144	4	L2 LV 4	AA 01429089	VP24300
465	LV2-14	LV2-14-8	144	4	L2 LV 4 M	AA 01429090	VP24301
466	LV2-14	LV2-14-9	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429091	VP24302
467	LV2-14	LV2-14-10	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429092	VP24303
468	LV2-14	LV2-14-11	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429093	VP24304
469	LV2-14	LV2-14-12	108	4	L2 LV 2 C	AA 01429094	VP24305
470	LV2-14	LV2-14-13	108	4	L2 LV 2 B	AA 01429095	VP24306
471	LV2-14	LV2-14-14	108	4	L2 LV 2 A	AA 01429096	VP24307
472	LV2-14	LV2-14-15	170,3	4	L2 LV DH 1	AA 01429097	VP24308
473	LV2-14	LV2-14-16	220,9	4	L2 LV DH 8 M	AA 01429098	VP24309
474	LV2-14	LV2-14-17	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429099	VP24310
475	LV2-14	LV2-14-18	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429100	VP24311
476	LV2-14	LV2-14-19	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429101	VP24312
477	LV2-14	LV2-14-20	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429102	VP24313
478	LV2-14	LV2-14-21	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429103	VP24314
479	LV2-14	LV2-14-22	120	4	L2 LV 3 M	AA 01429104	VP24315
480	LV2-14	LV2-14-23	160	4	L2 LV 3	AA 01429105	VP24316
481	LV2-14	LV2-14-24	160	4	L2 LV 1 C	AA 01429106	VP24317
482	LV2-14	LV2-14-25	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429107	VP24318
483	LV2-14	LV2-14-26	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429108	VP24319
484	LV2-14	LV2-14-27	120	4	L2 LV 1 A	AA 01429109	VP24320
485	LV2-14	LV2-14-28	120	4	L2 LV 1 B	AA 01429110	VP24321

Stt	Lô đất	Ký hiệu ô phố	Diện tích lô đất (m ²)	Số tầng	Mẫu căn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
486	LV2-14	LV2-14-29	120	4	L2 LV 1 C	AA 01429111	VP24322
487	LV2-14	LV2-14-30	197,5	4	L2 LV DH 8	AA 01429112	VP24323

Ghi chú:

- Cột số (2), (3), (4), (5), (6): thông tin được lấy theo Công văn số 17527/SXD-QLXDCT ngày 26/11/2025 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.
- Cột số (7), (8): thông tin được lấy theo Văn bản số 123/2025/CV-SDI ngày 27/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và phải cung cấp thông tin đầy đủ về vị trí, ký hiệu/mã căn nhà, diện tích ... cho khách hàng mua nhà ở trong quá trình ký hợp đồng mua bán nhà ở.

Ph